

**CTY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: **04/2018/KH-CBTT**

Kiên Giang, ngày 10 tháng 03 năm 2018

V/v giải trình về kết quả kinh doanh  
theo các BCTC riêng và hợp nhất  
kiểm toán năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước**

**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**
- Mã chứng khoán: **KHS**
- Địa chỉ trụ sở chính: 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3912 128 Fax: (0297) 3912 988
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN NGỌC ANH**
- Điện thoại (cơ quan): (0297) 3912 128 Fax: (0297) 3912 988
- Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  yêu cầu  định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:** Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017. Cụ thể như sau:

**I. Tại Báo cáo tài chính riêng năm 2017 được kiểm toán:**

Bảng so sánh lợi nhuận giữa năm 2017 và năm 2016 theo BCTC riêng:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	KỲ BÁO CÁO		CHÊNH LỆCH	TỶ LỆ (%)
		NĂM 2017	NĂM 2016		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	802.707.780.331	718.739.793.683	83.967.986.648	11,68
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2.506.449.184	63.824.551	2.442.624.633	3827,09
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	800.201.331.147	718.675.969.132	81.525.362.015	11,34
4. Giá vốn hàng bán	11	719.691.169.595	654.060.390.655	65.630.778.940	10,03
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	80.510.161.552	64.615.578.477	15.894.583.075	24,60
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.402.714.442	3.515.720.790	(2.113.006.348)	(60,10)
7. Chi phí tài chính	22	10.770.960.170	12.830.341.561	(2.059.381.391)	(16,05)
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23	10.148.382.102	11.802.072.355	(1.653.690.253)	(14,01)

8. Chi phí bán hàng	25	16.027.840.596	12.236.806.280	3.791.034.316	30,98
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16.882.458.872	13.386.522.344	3.495.936.528	26,12
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	38.231.616.356	29.677.629.082	8.553.987.274	28,82
11. Lợi nhuận khác	40	(1.726.766.847)	(1.075.049.973)	(651.716.874)	60,62
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	36.504.849.509	28.602.579.109	7.902.270.400	27,63
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	36.503.372.514	28.554.762.633	7.948.609.881	27,84

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo BCTC riêng của Công ty Cổ phần Kiên Hùng chênh lệch tăng so với cùng kỳ năm 2016: 7.948.609.881 đồng chủ yếu đến từ nguyên nhân sau:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 81,53 tỷ đồng (tương ứng tăng 11,34%) so với năm 2016. Trong khi đó, giá vốn hàng bán chỉ tăng 65,63 tỷ đồng (tương ứng tăng 10,03%) so với năm 2016. Điều này làm cho biên lợi nhuận gộp của Công ty trong năm 2017 được cải thiện so với năm 2016. Đây là nguyên nhân làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 theo BCTC riêng tăng 27,84% so với năm 2016.

## II. Tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017:

Bảng so sánh lợi nhuận giữa năm 2017 và năm 2016 theo BCTC hợp nhất:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	KỲ BÁO CÁO		CHÊNH LỆCH	TỶ LỆ (%)
		NĂM 2017	NĂM 2016		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.113.196.355.556	904.450.560.003	208.745.795.553	23,08
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2.506.449.184	63.824.551	2.442.624.633	3.827,09
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.110.689.906.372	904.386.735.452	206.303.170.920	22,81
4. Giá vốn hàng bán	11	1.018.835.830.864	821.147.724.700	197.688.106.164	24,07
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	91.854.075.508	83.239.010.752	8.615.064.756	10,35
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.036.749.192	4.008.188.002	(1.971.438.810)	(49,19)
7. Chi phí tài chính	22	17.294.451.466	16.353.851.394	940.600.072	5,75
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23	16.080.336.450	15.143.952.915	936.383.535	6,18
9. Chi phí bán hàng	25	34.404.407.181	20.859.002.292	13.545.404.889	64,94
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23.412.461.641	20.169.446.719	3.243.014.922	16,08
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	18.779.504.412	29.864.898.349	(11.085.393.937)	(37,12)
12. Thu nhập khác	31	2.182.387	999.262.311	(997.079.924)	(99,78)

13. Chi phí khác	32	1.933.063.109	1.584.189.205	348.873.904	22,02
14. Lợi nhuận khác	40	(1.930.880.722)	(584.926.894)	(1.345.953.828)	230,11
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	16.848.623.690	29.279.971.455	(12.431.347.765)	(42,46)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	100.729.991	172.253.964	(71.523.973)	(41,52)
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(99.072.996)	(99.072.996)	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	16.846.966.695	29.206.790.487	(12.359.823.792)	(42,32)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	26.478.605.546	28.887.296.837	(2.408.691.291)	(8,34)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(9.631.638.851)	319.493.650	(9.951.132.501)	(3.114,66)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.444	3.324	(880)	(26,47)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.444	3.324	(880)	(26,47)

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo BCTC hợp nhất của Công ty Cổ phần Kiên Hùng chênh lệch so với cùng kỳ năm 2016, chủ yếu đến từ những nguyên nhân sau:

1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ theo BCTC hợp nhất năm 2017 giảm 2.408.691.291 đồng (giảm 8,34% so cùng kỳ).
2. Lợi nhuận sau thuế của công ty con AOKI âm 19.004.377.965 đồng so với cùng kỳ. Các nguyên nhân cụ thể dẫn đến kết quả lợi nhuận sau thuế công ty Aoki âm như sau:
  - a. Chi phí giá vốn hàng bán tăng: 135.629.041.154 đồng làm cho lợi nhuận gộp của công ty con Aoki giảm: 7.279.518.319 đồng.
  - b. Chi phí tài chính của công ty con Aoki tăng: 2.999.981.463 đồng.
  - c. Chi phí bán hàng của công ty con Aoki tăng: 9.754.370.573 đồng.

Dưới đây là thông tin chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và 2017 của công ty con – Công ty TNHH Thủy sản Aoki:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	KỲ BÁO CÁO		CHÊNH LỆCH	TỶ LỆ (%)
		NĂM 2017	NĂM 2016		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	325.185.175.655	196.835.652.820	128.349.522.835	65,21
2. Giá vốn hàng bán	11	313.841.261.699	178.212.220.545	135.629.041.154	76,11
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	11.343.913.956	18.623.432.275	(7.279.518.319)	(39,09)
4. Doanh thu hoạt động tài chính ( lãi tiền gửi + lãi chênh lệch tỉ giá )	21	634.034.750	492.467.212	141.567.538	28,75

5. Chi phí tài chính (lãi tiền vay + lỗ chênh lệch tỉ giá)	22	6.523.491.296	3.523.509.833	2.999.981.463	85,14
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23	5.931.954.348	3.341.880.560	2.590.073.788	77,50
6. Chi phí bán hàng	25	18.376.566.585	8.622.196.012	9.754.370.573	113,13
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.530.002.769	6.782.924.375	(252.921.606)	(3,73)
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(19.452.111.944)	187.269.267	(19.639.381.211)	(10.487,24)
9. Thu nhập khác	31	..	787.622.311	(787.622.311)	(100,00)
10. Chi phí khác	32	204.113.875	297.499.232	(93.385.357)	(31,39)
11. Lợi nhuận khác	40	(204.113.875)	490.123.079	(694.236.954)	(141,65)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(19.656.225.819)	677.392.346	(20.333.618.165)	(3.001,75)
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành (phần thu nhập khác năm 2016)	51	180.000	25.364.492	(25.184.492)	(99,29)
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(19.656.405.819)	652.027.854	(20.308.433.673)	(3.114,66)

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty Cổ phần Kiên Hùng về các nguyên nhân về kết quả kinh doanh năm 2017 so với năm 2016.

Thông tin trên được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://www.kihuseavn.com/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



**NGUYỄN NGỌC ANH**